

UBND TỈNH SƠN LA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp
tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn Cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 91/2023/GCNDKHĐ-TCGDNN ngày 10/11/2023 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Công văn số 3477/BVHTTDL-ĐT ngày 16/8/2017 của Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch về việc thực hiện Thông báo số 154/TB-VPCP ngày 23/3/2017 của Văn phòng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-CĐSL ngày 02/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc Ban hành đào tạo chương trình chất lượng cao ngành, nghề Công nghệ thông tin, trình độ Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-CĐSL ngày 31/07/2025 của Hiệu trưởng trường

Cao đẳng Sơn La về việc Ban hành Đề án đào tạo chương trình chất lượng cao ngành, nghề Hướng dẫn du lịch, trình độ Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Quyết định 695/QĐ-CĐSL, ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy định về xây dựng và ban hành Quy chế, Quy định của trường Cao đẳng Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh - Hướng nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2026 (*Có Quy chế kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng trong công tác tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La và thay thế cho Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025 cùng các văn bản sửa đổi, bổ sung cho Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL; Quyết định số 1348/QĐ-CĐSL ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng ngành giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Sơn La cùng văn bản sửa đổi, bổ sung cho Quyết định số 1348/QĐ-CĐSL.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh - Hướng nghiệp, Trưởng các phòng: Đào tạo, Tổ chức cán bộ - Công tác Học sinh sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí & ĐBCL, Hành chính - Quản trị, Trưởng các khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục GDNN - GDTX (Báo cáo);
- Sở GD-ĐT (Báo cáo);
- Ban Giám hiệu (Báo cáo);
- Như điều 3 (Thực hiện);
- Lưu VT, T.TSHN.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Long

QUY CHẾ TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDSL ngày tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế tuyển sinh này quy định về ngành, nghề đào tạo; thời gian tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh; hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên; thủ tục và hồ sơ đăng ký xét tuyển; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào; lệ phí tuyển sinh; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh; kế hoạch tuyển sinh; thông báo tuyển sinh; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo; chế độ thông tin, báo cáo; khen thưởng, kỷ luật; tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh; Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh; tổ chức phúc tra; xác định kết quả trúng tuyển; triệu tập thí sinh trúng tuyển; kiểm tra kết quả trúng tuyển của thí sinh trúng tuyển; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh; xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh; khen thưởng, xử lý cán bộ làm công tác tuyển sinh vi phạm; trách nhiệm của thí sinh trong kỳ tuyển sinh; xử lý thí sinh xét tuyển vi phạm quy chế; chế độ báo cáo; chế độ lưu trữ tại Trường Cao đẳng Sơn La.

2. Quy chế này áp dụng đối với đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh trình do Trường Cao đẳng Sơn La (sau đây gọi tắt là Trường) cấp bằng không áp dụng đối với tuyển sinh liên kết do trường khác cấp bằng.

Điều 2. Ngành, nghề tuyển sinh

Năm 2026, Trường Cao đẳng Sơn La tổ chức tuyển sinh các ngành/ngành cụ thể như sau:

1. Trình độ Cao đẳng

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ thông tin	6480201	Toán học- Vật lý- Hóa học
			Toán học - Vật lý - Tin học
			Toán học - Vật lý - Công nghệ
			Toán học - Vật lý -Tiếng Anh
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Toán học- Vật lý- Hóa học
			Toán học - Vật lý - Tin học
			Toán học - Vật lý - Công nghệ
			Toán học - Vật lý -Tiếng Anh

3	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Toán học- Ngữ văn- Tin học
			Toán học- Ngữ văn - Hóa học
			Toán học- Ngữ văn - Vật lý
			Toán học- Ngữ văn - Tiếng Anh
4	Lâm sinh	6620202	Toán học - Sinh học – Hóa học
			Toán học - Sinh học- Công nghệ
			Toán học - Sinh học- Tin học
			Toán học - Sinh học - Tiếng Anh
5	Chăn nuôi- Thú y	6620120	Toán học - Sinh học – Hóa học
			Toán học - Sinh học- Công nghệ
			Toán học - Sinh học- Tin học
			Toán học - Sinh học- Tiếng Anh
6	Quản lý văn hóa	6340436	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý
			Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh
			Ngữ văn- Địa lý- Tiếng Anh
			Ngữ văn- Địa lý- Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
7	Hướng dẫn du lịch	6810103	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý
			Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh
			Ngữ văn - Địa lý- Tiếng Anh
			Ngữ văn- Địa lý- Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
8	Công tác xã hội	6760101	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý
			Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh
			Ngữ văn- Địa lý- Tiếng Anh
			Ngữ văn- Địa lý- Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
9	Giáo dục mầm non	51140201	Toán học - Ngữ văn- Năng khiếu

2. Trình độ Trung cấp

TT	Ngành, nghề tuyển sinh, mã ngành/ngành	Tổ hợp xét tuyển			Ghi chú
		Tốt nghiệp THCS		Tốt nghiệp THPT	
		Từ 2024 về trước	Năm 2025		
1	- Kế toán Doanh nghiệp (5340302) - Nghiệp vụ bán hàng (5340119)	Toán học - Vật lý - Hóa học	Toán học - Ngữ văn - Khoa học tự nhiên	Toán học - Vật lý - Hóa học	

	- Tin học ứng dụng (5480205)				
2	- Bảo vệ môi trường đô thị (5850104) - Lâm sinh (5620202) - Chăn nuôi – Thú y (5620120) - Trồng trọt và bảo vệ thực vật (5620111)	Toán học - Hóa học - Sinh học	Toán học - Ngữ văn - Khoa học tự nhiên	Toán học - Hóa học - Sinh học	
3	- Quản trị khách sạn (5810201) - Hướng dẫn du lịch (5810103) - Văn thư hành chính (5320301) - Công tác xã hội (5760101) - Dịch vụ pháp lý (5380201)	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý	Toán - Ngữ văn - Lịch sử và Địa lý	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý	
4	- Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (5210207) - Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (5210216) - Organ (5210224) - Thanh nhạc (5210225) - Hội họa (5210103)	Toán học - Ngữ văn - Năng khiếu			

Chương II

QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

Điều 3. Thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 12.
2. Đối tượng tuyển sinh
 - a. Đối với trình độ trung cấp
 - Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) và tương đương trở lên.
 - Đối với nhóm ngành/ngành Mỹ thuật và nhóm ngành/ngành Nghệ thuật trình diễn đối tượng tuyển sinh như sau:

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Đối tượng tuyển sinh
1	Hội họa (04 năm)	5210103	- Người học 14 tuổi trở lên hoặc đã tốt nghiệp trung học cơ sở; - Có năng khiếu Hội họa
2	Organ (04 năm)	5210224	- Người học tốt nghiệp THCS trở lên;

			- Có năng khiếu âm nhạc, có đủ sức khỏe theo quy định, hình thể cân đối không bị
3	Organ (06năm)	5210224	- Người học có độ tuổi từ 12 tuổi trở lên (Học hết lớp 6); - Có năng khiếu âm nhạc, có đủ sức khỏe theo quy định, hình thể cân đối không bị dị tật.
4	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (04 năm)	5210216	- Người học tốt nghiệp THCS trở lên; - Có năng khiếu âm nhạc, có đủ sức khỏe theo quy định, hình thể cân đối không bị dị tật
5	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (06 năm)	5210216	- Người học tốt nghiệp tiểu học trở lên; - Có năng khiếu âm nhạc, có đủ sức khỏe theo quy định, hình thể cân đối không bị dị tật.
6	Nghệ thuật biểu diễn múa Dân gian dân tộc (04 năm)	5210207	- Người học từ 14 tuổi trở lên hoặc đã tốt nghiệp THCS; - Có năng khiếu múa, hình thể cân đối không bị dị tật, không có hình xăm, có đủ sức khỏe theo quy định.
7	Nghệ thuật biểu diễn múa Dân gian dân tộc (06 năm)	5210207	- Người học có độ tuổi từ 12 tuổi trở lên (Học hết lớp 6); - Có năng khiếu múa, hình thể cân đối không bị dị tật, không có hình xăm, có đủ sức khỏe theo quy định.
8	Thanh nhạc (04 năm)	5210225	- Người học tốt nghiệp THCS trở lên; - Có năng khiếu âm nhạc, có đủ sức khỏe theo quy định, hình thể cân đối không bị dị tật.

b. Đối với trình độ cao đẳng

- Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.
- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.
- Không vi phạm pháp luật, không trong thời gian thi hành kỉ luật.

- Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, tùy theo từng trường hợp, Hiệu trưởng xem xét quyết định xét tuyển trên cơ sở đảm bảo các điều kiện trên và có khả năng thực hiện được các công việc của người giáo viên Mầm non.

c. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (*nếu dùng ngân sách nhà nước đi học*) đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được xét tuyển khi đã được thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồng ý và đảm bảo điều kiện được quy định tại điểm a và b Khoản 2 điều này.

d. Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tập tại Trường Cao đẳng Sơn La căn cứ kết quả học tập ở bậc THCS, THPT hoặc tương đương trở lên của thí sinh (*bảng điểm, văn bằng, chứng chỉ minh chứng*) và Chứng chỉ bồi dưỡng tiếng Việt bậc 4 đã được các đơn vị có thẩm quyền cấp, Hội đồng tuyển sinh trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

3. Hình thức tuyển sinh:

a. Xét tuyển: Tất cả các ngành/ngành trừ nhóm ngành/ngành Mỹ thuật và nhóm ngành/ngành Nghệ thuật trình diễn.

b. Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển

- Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển (năng khiếu) các ngành/ngành sau:

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Môn thi năng khiếu	Tổ hợp xét tuyển
1	Trung cấp Hội họa	5210103	Vẽ 01 bức tranh với chủ đề tự chọn có: - Ý tưởng phù hợp - Bố cục phù hợp - Màu sắc phù hợp	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
2	Trung cấp Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	- Hình thể - Năng khiếu múa - Năng khiếu tiết tấu	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
3	Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	- Hình thể - Năng khiếu - Trí nhớ âm nhạc	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
4	Trung cấp Organ	5210224	- Hình thể - Năng khiếu - Trí nhớ âm nhạc	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
5	Trung cấp Thanh nhạc	5210225	- Hình thể - Năng khiếu - Trí nhớ âm nhạc	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu

- Xét tuyển căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi tuyển năng khiếu: Cao đẳng Giáo dục Mầm non.

4. Khu vực tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước và 09 tỉnh của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

Điều 4. Chính sách ưu tiên tuyển sinh và chế độ được hưởng

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng, khu vực đối với các ngành/ngành thuộc khối giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng (*Phụ lục 01*).

2. Chính sách ưu tiên theo đối tượng, khu vực đối với ngành Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. (*Phụ lục 02*).

Các mức điểm ưu tiên được quy định trong khoản này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều này}$.

3. Các chế độ của người học tại trường Cao đẳng Sơn La

Người học được bố trí chỗ ở trong khu nội trú; được hưởng học bổng chính sách, học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ vay vốn tín dụng để học tập theo quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

a. Chính sách miễn, giảm học phí:

- Được miễn học phí đối với người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp.

- Sinh viên theo học ngành Giáo dục Mầm non được miễn 100% học phí.

- Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ học phí được thực hiện theo cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/09/2025 về việc quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

b. Được hưởng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số với mức: **140.000đ/người/tháng, 1.680.000đ/năm**.

c. Học sinh được hưởng chế độ nội trú nếu thuộc các đối tượng sau:

- Nếu học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; cận nghèo; người khuyết tật hoặc học sinh là người dân tộc La Ha được hưởng 100%

mức tiền lương cơ sở/tháng (**2.340.000** đồng/người/tháng/, **28.080.000** đồng/người/năm).

- Nếu học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường Phổ thông dân tộc nội trú; học sinh, sinh viên là người dân tộc Kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới được hưởng 80% mức tiền lương cơ sở /tháng (**1.872.000 đồng/người/tháng, 22.464.000 đồng/người/năm**)

- Nếu học sinh, sinh viên là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo; cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới được hưởng 60% mức tiền lương cơ sở/tháng: (**1.404.000 đồng/người/tháng, 16.848.000 đồng/người/năm**).

Ngoài ra, học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Sơn La được hưởng hỗ trợ của tỉnh như sau:

d. Khuyến khích 01 lần **1.000.000đ**/người cho học sinh học trình độ trung cấp; **2.000.000đ**/người cho sinh viên học trình độ cao đẳng là người dân tộc Mông, Dao, Khơ Mú, La Ha, Kháng, Xinh Mun, Lào; con liệt sỹ; con thương binh hạng 1/4 (nếu là học sinh, sinh viên nữ được hưởng thêm **1.000.000đ**).

e. Học sinh, sinh viên không thuộc diện được hưởng chế độ hỗ trợ trong mục (điểm c khoản 2 điều này) thì được tỉnh hỗ trợ cụ thể như sau:

- Là người dân tộc thiểu số được hưởng: **447.000đ/tháng, 4.917.000đ /11 tháng**.

- Học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hoặc là người dân tộc Mông, Dao, Kháng, Khơ Mú, Xinh Mun, Lào được hưởng **596.000đ/tháng, 6.556.000đ/11 tháng**.

g. Đối với ngành sư phạm Giáo dục mầm non được nhà nước hỗ trợ **3.630.000 đ/tháng** để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường.

h. Hỗ trợ đối với sinh viên theo học ngành Kỹ thuật điện – Điện tử, Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng (kể cả cao đẳng liên thông) được hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, học phí, khi tham gia thực tập tại doanh nghiệp được doanh nghiệp trả lương theo quy định.

i. Khi mức hỗ trợ nêu trên được điều chỉnh bởi các văn bản mới, người học sẽ được thụ hưởng theo các quy định mới.

Điều 5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

1. Đối với các ngành/ngành xét tuyển không thi tuyển năng khiếu.

1.1. Học lực: Điểm trung bình chung tổ hợp xét tuyển đạt 5.0 trở lên (lớp 12 đối với trình độ cao đẳng, lớp 9 đối với trình độ trung cấp). Đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp (đăng ký học liên thông trình độ cao đẳng) phải học và đạt các môn văn hoá phổ thông theo quy định.

1.2. Hạnh kiểm (kết quả rèn luyện):

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) từ Trung bình hoặc Đạt trở lên (lớp 12).

- Thí sinh đã tốt nghiệp THCS:

- + Nếu thí sinh đăng ký xét tuyển để học tập tại Trụ sở chính (Cơ sở 01 và cơ sở 02) thì hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) đạt từ Khá trở lên (lớp 9).

- + Nếu thí sinh đăng ký xét tuyển để học tập (chương trình GDTX cấp THPT kết hợp với dạy trình độ trung cấp) tại các địa điểm liên kết đào tạo (Trung tâm GDTX các huyện) thì hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) đạt từ Trung bình hoặc Đạt trở lên (lớp 9).

2. Đối với nhóm ngành, nghề khối giáo dục dục nghề nghiệp xét tuyển có thi tuyển năng khiếu: Toán học, Ngữ văn, Năng khiếu:

- Đối với ngành/ngành Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc tổng điểm thi năng khiếu đạt từ **6,0** trở lên.

- Đối với các ngành/ngành còn lại tổng điểm thi năng khiếu đạt từ **5,0** trở lên.

3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình chất lượng cao ngành/ngành Công nghệ thông tin, Hướng dẫn du lịch trình độ cao đẳng

- Người học tốt nghiệp THPT hoặc tương đương hoặc người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa giáo dục phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.

- Có điểm trung bình chung kết quả học tập ở bậc THPT đạt từ **6,5** trở lên đối với ngành Công nghệ thông tin: Có điểm trung bình chung kết quả học tập ở bậc trung học phổ thông đạt từ trung bình khá trở lên đối với ngành Hướng dẫn du lịch.

- Có trình độ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

- Người học chương trình chất lượng cao là người nước ngoài phải có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam, đã đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên (được cấp chứng chỉ) theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành Giáo dục mầm non

- Đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Trường cao đẳng Sơn La tổ chức xét dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT Môn Toán học, Ngữ văn và điểm sơ tuyển Năng khiếu đảm bảo ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm.

Điều 6. Lệ phí tuyển sinh: Thực hiện theo quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường.

Điều 7. Thủ tục và hồ sơ đăng ký, thời gian nhận hồ sơ khối giáo dục nghề nghiệp

1. Đăng ký xét tuyển (viết tắt là ĐKXT)

a. Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh của trường, thí sinh ĐKXT vào ngành, nghề học của trường phù hợp với nguyện vọng, khả năng và điều kiện của mình;

b. Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển vào một hoặc nhiều ngành, nghề do trường tuyển sinh thông qua phiếu đăng ký tuyển sinh;

Phiếu đăng ký xét tuyển và túi hồ sơ được nhà trường in sẵn và phát cho các thí sinh có nhu cầu xét tuyển vào trường. Thí sinh liên hệ Trung tâm Tuyển sinh - Hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm của nhà trường để nhận hồ sơ. Ngoài ra, phiếu đăng ký xét tuyển được đăng trên website (www.cdsonla.edu.vn) của nhà trường. Hoặc đăng ký trên cổng thông tin: <http://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>

2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

a. Trình độ trung cấp gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển trung cấp (*Theo mẫu phụ lục 03*).

- Bản sao học bạ THCS hoặc tương đương.

- Bản sao bằng tốt nghiệp (*giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời*) THCS hoặc tương đương.

- Bản sao kết quả học tập phù hợp với đối tượng đăng ký xét tuyển và Phiếu chấm điểm năng khiếu (*đối với thí sinh đăng ký xét tuyển ngành/nghề nghệ thuật*).

- Bản sao các loại giấy tờ ưu tiên (*nếu có*).

b. Trình độ cao đẳng gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; (*Theo mẫu phụ lục 03*).

- Bản sao học bạ THPT hoặc tương đương.

- Bản sao bằng tốt nghiệp (*giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời*) THCS, THPT, trung cấp hoặc tương đương.

- Bản sao các loại giấy tờ ưu tiên (*nếu có*).

c. Đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp đăng ký xét tuyển học cao đẳng:

- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; (*Theo mẫu phụ lục 03*).

- Bản sao bằng trung cấp và giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.

- Bản sao các loại giấy tờ ưu tiên (*nếu có*).

d. Đối với người học là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

- Quyết định cử đi học của đơn vị hoặc văn bản tương đương và đảm bảo điều kiện được quy định tại điểm a, b và c Khoản 2 điều này.

e. Đối với học sinh người nước ngoài (Lưu học sinh Lào)

Một (01) bộ hồ sơ bằng tiếng Lào và bản dịch bằng tiếng Việt gồm các giấy tờ sau:

- Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền (bộ và tỉnh);
- Chứng chỉ tiếng Việt tương đương **B2** (bậc 4/6) trở lên theo khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015
- Bản sao có chứng thực hợp lệ học bạ THCS, THPT hoặc tương đương, Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp.
- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng (*Theo mẫu Phụ lục 04*).
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo
- Ảnh 4x6 (04 ảnh)
- Bản sao Hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam.

3. Thủ tục nộp hồ sơ ĐKXT: Thí sinh lựa chọn một trong các hình thức sau đây để nộp hồ sơ:

a. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:

- Nộp trực tiếp tại trường THPT, THCS thí sinh đang theo học: Thí sinh nộp bản sao có chứng thực hoặc công chứng.
- Nộp trực tiếp tại Trung tâm TS-HN Trường Cao đẳng Sơn La: Thí sinh nộp bản sao kèm theo bản chính để người nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu và xác nhận (bản chính sẽ được trả lại ngay cho thí sinh sau khi đối chiếu).

b. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện: Thí sinh nộp bản sao có chứng thực hoặc công chứng. Lưu ý: Thí sinh không gửi bản chính văn bằng, học bạ, giấy tờ tùy thân qua đường bưu điện để tránh thất lạc.

c. Đăng ký trực tuyến:

- Đăng ký trực tuyến trên website www.cdsonla.edu.vn
- Đăng ký trực tuyến trên cổng thông tin <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>

Điều 8. Hồ sơ, thủ tục xét tuyển ngành Giáo dục mầm non

1. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thí sinh cung cấp 01 bộ hồ sơ đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025 của Bộ GD&ĐT (Quy chế tuyển sinh), nguyện vọng đăng ký, tính xác thực của các giấy tờ minh chứng theo hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo (quy định tại khoản 1 Điều 25 Quy chế tuyển sinh).

2. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Ban Thư ký tham mưu cho Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) thực hiện việc đăng ký trên hệ thống; xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

3. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống, Ban Thư ký tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống để phục vụ xét tuyển, bao gồm kết quả thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu.

Sau mỗi đợt xét tuyển, Ban Thư ký tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển.

Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Ban Thư ký tham mưu cho HĐTS thực hiện quy trình xét tuyển, điều chỉnh điểm trúng tuyển trong từng đợt phù hợp với chỉ tiêu được giao. Tham mưu cho HĐTS quyết định điểm trúng tuyển cho từng đợt và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Hiệu trưởng quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển.

Trường công bố điểm trúng tuyển (*và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có*) vào ngành đào tạo theo phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường.

4. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống, trước khi nhập học tại Trường.

Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

- Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

- Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND xã, phường trở lên, cơ sở đào tạo xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

- Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

- Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Trường cho phép.

Điều 9. Thủ tục tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non vừa học vừa làm

1. Xây dựng kế hoạch xét tuyển, đăng ký và xét tuyển

Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cả năm và từng đợt (bao gồm đợt bổ sung).

Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký dự tuyển/nộp hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

Trên cơ sở xét tuyển cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào ngành đào tạo.

2. Thông báo kết quả và tổ chức nhập học

Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

- Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

- Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND xã, phường, Nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

- Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

Điều 10. Điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh

1. Trường tổ chức các nhóm tư vấn tuyển sinh có tính chuyên nghiệp cao, nhiều kinh nghiệm, huy động viên chức, giảng viên có trình độ, hiểu biết về ngành/ngành, Quy chế tuyển sinh; đồng thời hợp tác với các cán bộ tuyển sinh của các trường THPT, Trung tâm GDTX, THCS trong và ngoài tỉnh Sơn La.

2. Trường liên kết sử dụng các hội trường của các Trường THPT, THCS, tại Trường Cao đẳng Sơn La... để tổ chức tư vấn tuyển sinh. Trường sử dụng các phương tiện như Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh Sơn La và thông tin đến các xã/phường để thông tin tuyên truyền tuyển sinh bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc; sử dụng Website, Facebook, bảng tin của trường và các trường để đưa tin tuyển sinh; Trường sử dụng công nghệ thông tin để sắp xếp hồ sơ tuyển sinh, làm giấy báo trúng tuyển và gọi thí sinh nhập học.

Điều 11. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Căn cứ Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng nhà trường quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành và giúp việc liên quan đến công tác tuyển sinh:

2. Thành phần HĐTS gồm Chủ tịch (Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng); Phó Chủ tịch (Phó Hiệu trưởng); Ủy viên thường trực (Giám đốc Trung tâm TS-HN hoặc Trưởng phòng Đào tạo); Các ủy viên (Trưởng các phòng Đào tạo hoặc Giám đốc Trung tâm TS-HN, Phòng TCCB-CTHSSV, Phòng KT&ĐBCL, phòng KH-TC, Phòng HC- QT và Trưởng một số đơn vị có liên quan).

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS

a. Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn.

- b. Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.
- c. Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh theo quy định.
- d. Tổng kết công tác tuyển sinh, quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.
- e. Tổ chức thực hiện phần mềm tuyển sinh thống nhất của trường; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên) và Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

- a. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường, báo cáo Hiệu trưởng tình hình thực hiện và kết quả công tác tuyển sinh của trường sau mỗi đợt tuyển sinh.
- b. Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên) và Sở Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh của trường theo quy định.

c. Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS trường để triển khai công tác tuyển sinh, gồm: Ban Thư ký và các Ban khác (nếu có) do Chủ tịch HĐTS quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS. Cơ cấu, số lượng, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các ban giúp việc của HĐTS do Chủ tịch HĐTS trường quy định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS. Các Ban chuyên môn của trường được thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh do Hiệu trưởng ban hành và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường.

5. Phó Chủ tịch HĐTS thường trực

Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

Điều 12. Tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh (HĐTS)

1. Thành phần Ban thư ký HĐTS

- a. Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm.
- b. Các ủy viên: Một số cán bộ Trung tâm TS-HN, Phòng: Đào tạo, TCCB-CTHSSV, KT&ĐBCL, KH - TC, HC-QT.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS của trường tuyển sinh bằng phương thức xét tuyển

- a. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển.
- b. Nhập và rà soát thông tin đăng ký xét tuyển vào phần mềm tuyển sinh của trường.
- c. Cập nhật và công bố công khai thông tin đăng ký xét tuyển của thí sinh.
- d. Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định.
- e. Lập danh sách thí sinh trúng tuyển.
- f. In và gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.
- g. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định.

h. Được quyền đề xuất với Hiệu trưởng, chủ tịch HĐTS để thay đổi các nội dung trong quy chế tuyển sinh của trường bằng phương thức xét tuyển cho phù hợp với tình hình thực tế của từng thời điểm tuyển sinh.

i. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 13. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường.

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), tính xác thực của các giấy tờ minh chứng.

c) Đồng ý để Trường mà mình dự tuyển được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển.

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

b) Quy định về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh.

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố.

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển.

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Nhà trường theo quy định của pháp luật.

3. Quyền và trách nhiệm của Hiệu trưởng

a) Hiệu trưởng trường có quyền quyết định số lần tuyển sinh trong năm và hình thức tuyển sinh của trường.

b) Hiệu trưởng trường tổ chức xây dựng quy chế tuyển sinh của trường và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

c) Các hình thức xử lý vi phạm do Hiệu trưởng quyết định xử lý theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của trường và quy định của pháp luật.

Điều 14. Kế hoạch tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh

1. Xây dựng Kế hoạch tuyển sinh

Trung tâm Tuyển sinh - Hướng nghiệp là đơn vị chủ trì, phối hợp với phòng Đào tạo, các đơn vị liên quan tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng Quy chế tuyển sinh, Kế hoạch tổng thể công tác tuyển sinh, tham mưu ban hành Quyết định thành lập HĐTS và các Ban giúp việc cho HĐTS hàng năm.

Kế hoạch cần nêu rõ các nội dung cơ bản: Ngành/ngành tuyển sinh (tên ngành, mã ngành, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển); phương thức xét tuyển; thời gian tiếp nhận hồ sơ; các đợt xét tuyển và tiến độ thực hiện các nội dung cụ thể trong công tác tuyển sinh; các nội dung khác theo yêu cầu cụ thể của Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS.

Đối với ngành Giáo dục Mầm non, căn cứ kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, Trung tâm TS-HN tham mưu triển khai các quy trình:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

c) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học tại Trường.

d) Tham mưu xây dựng kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

2. Thông báo tuyển sinh, nhận hồ sơ đăng ký

a. Công tác thông tin tuyên truyền và thông báo tuyển sinh của nhà trường được thực hiện đa dạng bằng nhiều hình thức khác nhau: thông báo trên Website nhà trường (www.cdsonla.edu.vn), mạng xã hội (Fanpage Diễn đàn – Trường Cao đẳng Sơn La hoặc Facebook, Zalo của các tổ chức đoàn thể trực thuộc và CBVC, HSSV nhà trường); in khổ lớn nền bạt treo tại các xã, các trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX; in và phát tờ rơi; thông tin qua Báo - Phát thanh Truyền hình của tỉnh (bằng cả tiếng dân tộc thiểu số); tổ chức các đoàn công tác Tuyên truyền tuyển sinh tới các trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX tại các xã, phường...

b. Nội dung thông báo, thông tin tuyển sinh gồm: ngành/ngành tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng (tên ngành/ngành, mã tuyển sinh, chỉ tiêu, tổ hợp môn xét tuyển); hình thức; đối tượng; ngày và nơi nhận hồ sơ; các chế độ ưu tiên, ưu đãi đối với thí sinh và một số thông tin khác.

c. Trung tâm Tuyển sinh – Hướng nghiệp chủ trì, phối hợp với Phòng HC – QT tham mưu cho BGH, HĐTS thực hiện các nội dung cụ thể về thông báo, thông tin tuyên truyền tuyển sinh và triển khai thu nhận hồ sơ.

Điều 15. Xác định kết quả trúng tuyển

1. Căn cứ số lượng chỉ tiêu được xác định theo quy định; căn cứ thống kê kết quả tuyển sinh; căn cứ quy định khung điểm ưu tiên (nếu có), Ban Thư ký HĐTS dự kiến một số phương án xét tuyển để trình Chủ tịch HĐTS trường xem xét, quyết định.

2. Tiêu chí xét tuyển:

2.1. Đối với trình độ Cao đẳng nghề

- Người học đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

+ Xét điểm học bạ lớp 12 bậc THPT hoặc hệ GDTX bậc THPT với kết quả 03 môn học theo tổ hợp xét tuyển từng ngành, nghề.

+ Nguyên tắc xét tuyển căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu từng ngành, nghề theo công thức: **ĐXH = ĐXT + UTĐT + UTKV**, trong đó: **ĐXH**: Điểm xếp hạng; **ĐXT**: Điểm xét

tuyển (điểm tổng kết 03 môn lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển); **UTĐT**: Điểm ưu tiên đối tượng; **UTKV**: Điểm ưu tiên khu vực.

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Xét điểm học bạ lớp 12 bậc THPT hoặc hệ GDTX bậc THPT. Bảng điểm, giấy chứng nhận hoàn thành các môn văn hóa bậc THPT (*có điểm đánh giá*) do cơ sở đào tạo cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với kết quả 03 môn học theo tổ hợp xét tuyển từng ngành, nghề.

+ Nguyên tắc xét tuyển căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu từng ngành, nghề theo công thức: **ĐXH = ĐXT+UTĐT+UTKV**, trong đó: **ĐXH**: Điểm xếp hạng; **ĐXT**: Điểm xét tuyển (điểm tổng kết 03 môn lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển); **UTĐT**: Điểm ưu tiên đối tượng; **UTKV**: Điểm ưu tiên khu vực.

- Người học là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: áp dụng một trong hai tiêu chí xét tuyển trên.

- Người học là học sinh người nước ngoài: Được ưu tiên xét trong tổng chỉ tiêu được giao và đảm bảo: đạt trình độ tiếng Việt bậc 4 trở lên (có chứng chỉ), đã tốt nghiệp THCS, THPT và tương đương.

Trường hợp số lượng thí sinh đăng ký vào cùng một ngành/ngành nhiều hơn số lượng chỉ tiêu cho phép, điểm xét tuyển của thí sinh được xác định như sau: Ưu tiên thí sinh có điểm Toán hoặc môn Ngữ văn cao hơn, tùy theo yêu cầu của từng ngành. Dùng điểm môn Toán học để xét ưu tiên đối với các chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điện - điện tử; Lâm sinh; Chăn nuôi – Thú y, Kế toán doanh nghiệp. Dùng điểm môn Ngữ văn để xét ưu tiên đối với các môn: Hướng dẫn du lịch; Quản lý văn hóa; Công tác xã hội, Hướng dẫn du lịch.

Nếu thí sinh có điểm Toán hoặc Ngữ văn bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển trên cơ sở xem xét hồ sơ và tình hình thực tế tuyển sinh của trường.

2.2. Đối với trình độ Trung cấp nghề

- Đã tốt nghiệp THCS trở lên.

- Xét điểm học bạ lớp 9 bậc THCS, THPT với kết quả 3 môn học theo tổ hợp xét tuyển từng ngành, nghề.

- Nguyên tắc xét tuyển Căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu từng ngành/ngành theo Công thức: **ĐXH = ĐXT+UTĐT+UTKV**, trong đó: **ĐXH**: Điểm xếp hạng; **ĐXT**: Điểm xét tuyển (điểm tổng kết 3 môn học lớp 9 theo tổ hợp xét tuyển); **UTĐT**: Điểm ưu tiên đối tượng; **UTKV**: Điểm ưu tiên khu vực.

Trường hợp số lượng thí sinh đăng ký vào cùng một ngành/ngành nhiều hơn số lượng chỉ tiêu cho phép, điểm xét tuyển của thí sinh được xác định như sau:

Đối với các ngành/ngành xét tuyển theo tổ hợp: Toán học - Vật lý - Hóa học; Toán học - Hóa học - Sinh học; Toán học - Ngữ văn - KHTN: Sử dụng điểm môn Toán học để xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp thí sinh có điểm môn Toán học bằng nhau, tiếp tục xét điểm môn Hóa học hoặc môn KHTN (tùy từng tổ hợp) để phân thứ tự.

Đối với các ngành/ngành xét tuyển theo tổ hợp: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý; Ngữ văn - Toán học - Lịch sử và Địa lý: Sử dụng điểm môn Ngữ văn để xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp thí sinh có điểm môn Ngữ văn bằng nhau, tiếp tục xét điểm môn Lịch sử hoặc môn Lịch sử và Địa lý (tùy từng tổ hợp) để phân thứ tự.

Trường hợp đã xét đến môn thứ hai thí sinh vẫn có điểm bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

2.3. Đối với ngành/ngành xét tuyển kết hợp thi tuyển (năng khiếu)

- Xét điểm học bạ lớp gần nhất với kết quả 2 môn: Toán học, Ngữ văn kết hợp với điểm thi năng khiếu.

- Nguyên tắc xét tuyển căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu từng ngành/ngành theo Công thức: **ĐXT = ĐM1 + ĐM2 + ĐNK + UTĐT + UTKV**

Trong đó: **ĐXT**: Điểm xét tuyển; **ĐM1**: Điểm môn toán; **ĐM2**: Điểm môn ngữ văn; **ĐNK**: Điểm thi năng khiếu; **UTĐT**: Điểm ưu tiên đối tượng; **UTKV**: Điểm ưu tiên khu vực.

Ghi chú: Trường hợp số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển nhiều hơn thì lấy điểm thi năng khiếu (nếu vẫn bằng điểm nhau thì xét điểm trung bình trung môn Ngữ văn) lấy điểm từ cao xuống đến khi đủ chỉ tiêu.

2.4. Đối với trình độ Cao đẳng công nghệ thông tin, hướng dẫn du lịch chất lượng cao

- Người học đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:

+ Xét điểm trung bình chung kết quả học tập ở bậc trung học phổ thông hoặc hệ GDTX bậc THPT.

+ Nguyên tắc xét tuyển căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu theo công thức: **ĐXH = ĐXT + UTĐT + UTKV**, trong đó: **ĐXH**: Điểm xếp hạng; **ĐXT**: Điểm xét tuyển (điểm trung bình chung kết quả học tập ở bậc trung học phổ thông); **UTĐT**: Điểm ưu tiên đối tượng; **UTKV**: Điểm ưu tiên khu vực.

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã học, thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Xét điểm trung bình chung của bằng điểm.

+ Nguyên tắc xét tuyển căn cứ vào điểm xét tuyển và chính sách ưu tiên để xếp hạng và xét tuyển từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu từng ngành, nghề theo công thức: $\text{ĐXH} = \text{ĐXT} + \text{UTĐT} + \text{UTKV}$, trong đó: ĐXH: Điểm xếp hạng; ĐXT: Điểm trung bình chung của bảng điểm; UTĐT: Điểm ưu tiên đối tượng; UTKV: Điểm ưu tiên khu vực.

Ghi chú:

* Trước khi trình hội đồng tuyển sinh xét tuyển: Thí sinh phải có chứng nhận (hoặc kết quả) trình độ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

* Trường hợp số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển nhiều hơn thì lấy điểm trung bình trung môn Toán học lớp 12 (nếu vẫn bằng điểm nhau thì xét điểm trung bình trung môn Vật lý lớp 12) lấy điểm từ cao xuống đến khi đủ chỉ tiêu.

2.5. Đối với trình độ Cao đẳng Giáo dục Mầm non

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển cho từng đợt.

+ Trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, việc xếp hạng sẽ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên các tiêu chí sau:

(1) Điểm sơ tuyển môn năng khiếu (ĐNK);

(2) Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn (ĐM2);

(3) Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán học (ĐM1).

- Kết thúc đợt tuyển sinh, nếu số lượng thí sinh nhập học chưa đủ chỉ tiêu, nhà trường sẽ tiến hành tuyển sinh bổ sung. Điểm trúng tuyển bổ sung không thấp hơn ngưỡng đầu vào đối với các ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hằng năm đối với phương thức tuyển sinh chính quy sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

- Xác định điểm trúng tuyển: Điểm xét tuyển theo công thức dưới đây không thấp hơn điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh xác định trong từng đợt:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐM1} + \text{ĐM2} + \text{ĐNK} + \text{UTĐT} + \text{UTKV}, \text{ Trong đó:}$$

ĐXT: Điểm xét tuyển.

ĐM1: Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán học.

ĐM2: Điểm thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn.

ĐNK: Điểm sơ tuyển môn năng khiếu (Điểm trung bình cộng của 03 nội dung: Hát, Kể chuyện, Đọc diễn cảm).

UTĐT: Điểm ưu tiên đối tượng.

UTKV: Điểm ưu tiên khu vực.

- Lọc các thí sinh đăng ký xét tuyển đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.

3. Khi số thí sinh trúng tuyển khối giáo dục nghề nghiệp đến trường nhập học không đủ, trường có thể hạ tiêu chuẩn xét tuyển hoặc tuyển bổ sung bằng các lần tuyển sinh tiếp theo cho đến khi đủ chỉ tiêu. Việc hạ tiêu chuẩn xét tuyển và tuyển sinh các đợt tiếp theo do Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS quyết định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS và phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

4. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung ngành Giáo dục Mầm non

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào ngành đào tạo, hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Hiệu trưởng ban hành và công khai kế hoạch xét tuyển trên Website của trường, trong kế hoạch nêu rõ phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ cơ sở đào tạo nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào ngành đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

5. Nếu số thí sinh đến trường nhập học đủ so với chỉ tiêu đã xác định ở ngay đợt tuyển sinh tiếp theo, trường không nhận thêm hồ sơ ĐKXT dù vẫn còn các đợt tuyển sinh như đã thông báo trước đó và sẽ thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Tiêu chuẩn xét tuyển ở tất cả các đợt tuyển sinh của trường không nhất thiết phải bằng nhau và do Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS quyết định trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS.

6. Đối với những ngành, nghề không tuyển đủ chỉ tiêu, sau khi đã xác định tiêu chuẩn xét tuyển ở mức cho phép theo yêu cầu đào tạo của trường mà vẫn còn thiếu số lượng, trường được phép lấy thí sinh xét tuyển vào trường mình nhưng không trúng tuyển vào những ngành, nghề khác, đồng thời đạt yêu cầu và tiêu chuẩn xét tuyển theo quy định của ngành, nghề còn thiếu số lượng và tự nguyện vào học ngành, nghề đó. Nếu số người đạt đủ tiêu chuẩn xét tuyển lớn hơn chỉ tiêu thì lấy theo tiêu chuẩn xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng theo một quy trình công khai.

7. Căn cứ các phương án xác định tiêu chuẩn xét tuyển của Ban Thư ký HĐTS đề xuất, trên cơ sở ý kiến của các thành viên HĐTS, Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS quyết định, chịu trách nhiệm và ký duyệt điều kiện trúng tuyển. Tiêu chuẩn trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển phải công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 16. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS trực tiếp xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển do Ban thư ký báo cáo và ký giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển tới nhập học.

Trong giấy triệu tập cần ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh và những điều kiện cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Trước khi vào học chính thức, học sinh, sinh viên phải qua kỳ kiểm tra sức khỏe toàn diện do phòng Tổ chức Cán bộ- Công tác HSSV tham mưu thực hiện. Việc khám sức khỏe phải theo hướng dẫn của liên Bộ Y tế và Giáo dục và Đào tạo.

3. Thí sinh trúng tuyển vào trường phải nộp những giấy tờ sau đây:

a. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp, học bạ THPT (bỏ túc THPT) hoặc THCS (*tùy theo đối tượng xét tuyển*).

b. Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp để đối chiếu, kiểm tra.

c. Bản sao hợp lệ giấy khai sinh.

d. Bản sao hợp lệ các giấy tờ minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định (thực hiện theo phụ lục 01, Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

đ. Giấy triệu tập trúng tuyển (hoặc giấy báo nhập học).

Các giấy tờ quy định tại Điểm a, b, c, d và đ của Khoản này được phòng Công tác HSSV dùng để quản lý và kiểm tra, đối chiếu với bản chính khi cần thiết.

4. Những thí sinh đến nhập học chậm sau 15 ngày so với ngày yêu cầu có mặt ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển thì trường không tiếp nhận. Nếu đến chậm trong những trường hợp bất khả kháng như: do ốm, đau, tai nạn, thiên tai có giấy xác nhận của bệnh viện cấp huyện trở lên hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thì Trung tâm Tuyển sinh - Hướng nghiệp và phòng Tổ chức cán bộ - Công tác HSSV xem xét tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học khóa học kế tiếp sau.

5. Những thí sinh trúng tuyển, nếu địa phương giữ lại không cho đi học có quyền khiếu nại lên các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 17. Kiểm tra kết quả xét tuyển của thí sinh trúng tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển

1. Sau kỳ tuyển sinh, phòng Tổ chức cán bộ - Công tác HSSV và Ban thanh tra do Hiệu trưởng thành lập, phải tiến hành kiểm tra kết quả xét tuyển của tất cả thí sinh đã trúng tuyển vào trường ở tất cả các khâu, đồng thời kiểm tra, đối chiếu với bản chính các loại giấy tờ của thí sinh. Nếu phát hiện thấy các trường hợp vi phạm quy chế hoặc các trường hợp nghi vấn, cần lập biên bản kiến nghị Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS có biện pháp xác minh, xử lý.

2. Khi thí sinh đến nhập học, bộ phận tiếp sinh phải tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Quy chế này.

3. Trong quá trình học sinh, sinh viên đang theo học nếu có khiếu nại, tố cáo trường phải thanh, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

Điều 18. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền.

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới cơ sở đào tạo gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả là 4 năm.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 19. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

Cập nhật thông tin đăng ký xét tuyển và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 20. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a. Hội đồng tuyển sinh của trường.

b. Thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a. Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại Khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b. Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a. Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b. Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;

d. Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

Điều 21. Tổ chức phúc tra: Tổ chức phúc tra thực hiện theo quy định.

Điều 22. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng

Người có nhiều đóng góp, tích cực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển sinh được giao, tùy theo thành tích cụ thể, được Hiệu trưởng khen thưởng theo Quy định thi đua, khen thưởng của nhà trường.

2. Kỷ luật

Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức sơ tuyển năng khiếu đối với các ngành có xét tuyển điểm môn Năng khiếu được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GD&ĐT.

Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi sơ tuyển để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

Điều 23. Chế độ báo cáo

Thực hiện theo quy định của các cơ quan cấp trên.

Điều 24. Chế độ lưu trữ

Các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trường phải bảo quản, lưu trữ, hủy tài liệu hết giá trị theo quy định của Luật lưu trữ.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường.

2. Giám đốc Trung tâm TS-HN, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Hàng năm, Quy chế này được bổ sung, sửa đổi, cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Trung tâm TS-HN để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC 01

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định;

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Chính sách tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng; tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy

dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi Olympic, hội thi khoa học kỹ thuật, thi chọn học sinh giỏi từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng học trình độ trung cấp và đoạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, được tuyển thẳng vào cao đẳng theo đúng ngành, nghề hoặc gần ngành, nghề của môn mà thí sinh đã đoạt giải. Nếu thí sinh chưa tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở sẽ được bảo lưu sau khi tốt nghiệp;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp trung học là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các giải thi đấu thể dục, thể thao từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp thể dục, thể thao hoặc các ngành thể dục, thể thao của các trường theo quy định của từng trường;

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi nghệ thuật từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ trung cấp của các trường năng khiếu, nghệ thuật theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hay xét tuyển vào trường.

e) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

g) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường cao đẳng, trung cấp Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định hiện hành; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

i) Người có bằng trung cấp loại giỏi trở lên và người có bằng trung cấp loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo ngành, nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản

2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào cùng ngành, nghề trình độ cao đẳng;

k) Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào trường đề học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải ở trình độ cao đẳng;

l) Thí sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông (hoặc tương đương) có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên, thuộc một trong các đối tượng sau đây được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ.

3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, các kỳ thi tay nghề quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học phổ thông, hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng của các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban Thể dục thể thao có quyết định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tốt nghiệp trung học phổ thông được ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng thể dục thể thao hoặc các ngành thể dục thể thao tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc được trường ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày thi tuyển sinh vào trường.

d) Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp trực tiếp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ của trường.

4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh.

Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ theo quy định của nhà trường.

5. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp

ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh các trường, lớp dự bị;
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học trung học phổ thông hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành nếu học trung học phổ thông (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;
- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học trung học phổ thông/trung học cơ sở hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành;
- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).;
- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) đối với thang điểm 10./.

PHỤ LỤC SỐ 02

1. Ưu tiên theo khu vực

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT; nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

Phân chia khu vực tuyển sinh:

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa

	được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

3. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

3.1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

3.2. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

3.3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

3.4. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học vào ngành nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

3.5. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

PHỤ LỤC 03
PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
Năm:

I Thông tin cá nhân

1. Họ và tên*:
2. Ngày tháng năm sinh*:
3. Giới tính Nam ☐ Nữ ☐
4. Trình độ văn hóa*:
- Lớp:..... THCS ☐ THPT ☐
5. Email:
6. Điện thoại liên hệ*:
7. Địa chỉ liên hệ*:
8. Đối tượng ưu tiên (nếu có):

II Thông tin đăng ký học

9. Tên trường*: Trường Cao đẳng Sơn La Mã số: CDD1402
10. Tên ngành/nghề học*:
- Ngành/nghề 1: Mã ngành/nghề:
- Trình độ đào tạo: Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐
- Ngành/nghề 2: Mã ngành/nghề:
- Trình độ đào tạo: Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐
- Ngành/nghề 3: Mã ngành/nghề:
- Trình độ đào tạo: Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

HƯỚNG DẪN

Ghi Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp

Thí sinh ghi đầy đủ các nội dung từ mục 1 đến mục 10 (nội dung có ký tự (*) là phần bắt buộc phải có) và lưu ý một số nội dung sau:

1. **Mục 1, 2:** Ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh theo học bạ (hoặc theo Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu nếu có);

2. **Mục 4:** Nếu đã tốt nghiệp THCS, THPT thì đánh dấu vào ô thích hợp. Nếu đang học thì ghi rõ lớp đang học (Ví dụ: Đang học lớp 12; đang học lớp 9).

3. **Mục 6:** Ghi số điện thoại của người nhận giấy báo và số điện thoại của thí sinh (nếu có), số điện thoại của thí sinh ghi sau số điện thoại của người nhận giấy báo;

4. **Mục 7:** Ghi rõ tên người nhận và địa chỉ của người nhận giấy báo. Địa chỉ phải đầy đủ: Số nhà, đường, phố, thôn (bản), xã (phường), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

5. **Mục 9:** Thí sinh ghi chính xác tên trường muốn học kèm theo Mã số trường. Mỗi Phiếu đăng ký dự tuyển chỉ đăng ký ở một trường cụ thể.

6. Mục 10:

* Thí sinh tìm hiểu về ngành nghề đào tạo, trường đào tạo trước khi đăng ký. Có 3 cách cơ bản để tìm hiểu về những thông tin trên như sau:

(1) Tham khảo sách “Những điều cần biết về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp” được phát hành hàng năm trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Địa chỉ: <http://gdnn.gov.vn>);

(2) Truy cập website: <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn/>, tìm kiếm theo từng tỉnh để biết về các trường và các nghề đào tạo của trường;

(3) Cài đặt ứng dụng “**Chọn nghề**” trên thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại Smartphone,...) để tìm hiểu về ngành nghề, về trường học.

Trường hợp không biết chính xác mã nghề có thể bỏ trống.

Theo cách (2) và (3), thí sinh có thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến và có thể đăng ký từ 1 đến 3 nguyện vọng (3 ngành nghề).

* Về trình độ đào tạo: Đánh dấu (x) vào ô phù hợp:

- Trình độ trung cấp: Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên;

- Trình độ cao đẳng: Đối tượng tuyển sinh:

(1) Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

(2) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật về giáo dục./.

PHỤ LỤC 04

Dán ảnh cỡ
4x6

Attach your
photo size 4x6

PHIẾU ĐĂNG KÝ
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM
APPLICATION FORM

FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

*Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.*

1	Họ/Family name	Tên đệm/Middle name	Tên/First name
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day. tháng/month năm/year.	
3	Giới tính/Gender:	☐ Nam/Male	☐ Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. Nước/Country.	
5	Quốc tịch/Nationality:		
6	Nghề nghiệp/Occupation:		
7	Tôn giáo/Religion:		
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	☐ Độc thân/Single ☐ Đã kết hôn/Married ☐ Ly đị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:		
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:		
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:		

13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:			
	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship		
	Địa chỉ nơi ở/Residential address	Nơi làm việc/Place of work		
	Điện thoại/Phone number	Email		
14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications
				
				
				
				
				
15	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:			
	Thời gian công tác/Time of employment:	Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.		
	Vị trí công tác/Job Title:			
	Mô tả công việc/Job Description:			
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:			
	Thời gian công tác/Time of employment:	Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.		
	Vị trí công tác/Job Title:			
	Mô tả công việc/Job Description:			
16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			

	☐ Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency ☐ Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:	☐ Sơ cấp/Elementary ☐ Trung cấp/Intermediate ☐ Cao cấp/Advanced
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:	
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:	
	Tổng thời gian đã học/Total length of study:	 giờ/hours tháng/months năm/years
	Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/Certificate of Vietnamese language proficiency:	☐ Không/No ☐ Có/Yes Trình độ/Level:
	Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:	☐ THPT/High school ☐ Cao đẳng/College ☐ Đại học/Bachelor ☐ Thạc sĩ/Master ☐ Tiến sĩ/Doctor
17	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency: ☐ Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency ☐ Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:	
		☐ Sơ cấp/Elementary ☐ Trung cấp/Intermediate ☐ Cao cấp/Advanced
18	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: Trình độ/Level: Trình độ/Level:	
19	Khóa học đăng ký/Proposed Study Program: ☐ Tiểu học/Primary School ☐ Trung học cơ sở/Lower Secondary School ☐ Trung học phổ thông/Upper Secondary School	
	☐ Trung cấp chuyên nghiệp/Secondary Professional and Technical School ☐ Cao đẳng/Associate ☐ Đại học/Bachelor ☐ Thạc sĩ/Master ☐ Tiến sĩ/PhD ☐ Thực tập sinh/Research Fellowship ☐ Khóa học ngắn hạn/Short-term training course	
20	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/Proposed field of study/research:	

21	Thời gian học đăng ký/Proposed period of study: Từ/From: ngày/day tháng/month. năm/year. Đến/To: ngày/day tháng/month. năm/year.		
22	Cơ sở giáo dục đăng ký/Proposed educational institution for study/research:		
23	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: ☐ Tiếng Việt/Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English ☐ Ngôn ngữ khác/Other language:		
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any):		
	Họ tên/Full name 1. 2.	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: ☐ Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship ☐ Học bổng khác/Other Scholarship ☐ Tự túc kinh phí/Self-funding		
26	Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam. I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.		
Ngày/Day tháng/month năm/year Ký tên/Applicant's signature:			

Danh mục hồ sơ/Document Checklist
--

Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.

- ☐ 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/Completed application form.
- ☐ 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.
Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
- ☐ 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
- ☐ 4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- ☐ 5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
Copies of financial guarantee to support study, research and living in Vietnam.
- ☐ 6. Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh).
Research proposal (for PhD applicants) or Plan of practical training (for Internship applicants).
- ☐ 7. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh).
Letters of Recommendation provided by 02 researchers or academics who hold doctorate degrees and have similar fields of research (applicable to PhD applicants).
- ☐ 8. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu,... (nếu có).
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements, ... (if any).
- ☐ 9. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.

